

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 397 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 50/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 47/QĐ-BGTVT ngày 06/01/2012 về việc phê duyệt Dự án; số 2025/QĐ-BGTVT ngày 30/05/2014, số 3121/QĐ-BGTVT ngày 15/08/2014 về việc điều chỉnh thiết kế cơ sở Dự án; số 1844/QĐ-GTVT ngày 22/05/2015 về tổng mức đầu tư Dự án;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 3107/QĐ-BGTVT ngày 05/10/2016 về việc phê duyệt Phương án tài chính; số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính của Dự án;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 1607/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2015 về việc phê duyệt đầu tư bổ sung hạng mục xây dựng cầu Suối Dừa (Km1370+402, QL1); số 2907/QĐ-BGTVT ngày 12/08/2015 về việc phê

duyet đầu tư bổ sung hạng mục xây dựng hầm đèo Cù Mông; số 396/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016 về việc phê duyệt đầu tư bổ sung hạng mục mở rộng hầm đường bộ Hải Vân vào Dự án;

Căn cứ các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ: số 70/TTg-KTN ngày 12/01/2016 về phương án tài chính tổng thể và kế hoạch sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ Dự án; số 112/TTg-KTN ngày 23/01/2017 giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ Dự án hầm đường bộ Đèo Cả;

Căn cứ kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra tại các văn bản: số 108/KTNN-TH ngày 20/01/2017; số 487/KTNN-TH ngày 29/09/2017; số 644/KTNN-TH ngày 29/12/2017; số 461/KTNN-TH ngày 20/09/2019; số 384/KTNN-TH ngày 06/09/2019; số 13/KTNN-TH ngày 08/02/2021; Thanh tra Bộ Xây dựng tại Văn bản số 45/KL-TTr ngày 10/7/2020;

Căn cứ Văn bản số 5373/BKHĐT-PTHTĐT ngày 10/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc nguồn vốn nhà nước hỗ trợ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả;

Căn cứ Thông báo số 368/TB-VPVP ngày 20/9/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại cuộc họp về việc nguồn vốn nhà nước hỗ trợ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; giao dự toán, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-ĐEOCA ngày 08/11/2012 giữa Bộ GTVT và Nhà đầu tư về việc đầu tư Dự án xây dựng hầm đường bộ qua đèo Cả và các phụ lục hợp đồng dự án kèm theo;

Trên cơ sở Văn bản số 42/2024/BC-ĐC ngày 04/3/2024 của Công ty cổ phần đầu tư Đèo Cả về việc Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh Dự án; Tờ trình số 140/2024/TTr-ĐC ngày 05/3/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả về việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Dự án, kèm theo hồ sơ điều chỉnh dự án do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long lập tháng 3/2024;

Xét Tờ trình số 814/TTr-BQLDA85 ngày 20/3/2024 của Ban Quản lý dự án 85 về việc trình thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án, kèm theo hồ sơ điều chỉnh Dự án;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam tại Thông báo kết quả thẩm định số 318/CĐCTVN-QLXDKT ngày 21/3/2024 và Thông báo kết quả thẩm định bổ sung số 361/CĐCTVN-QLXDKT ngày 05/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các hạng mục đầu tư bổ sung vào dự án trong quá trình thực hiện

- Hạng mục xây dựng cầu Suối Dừa (Km1370+402, QL1) đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế cơ sở tại Quyết định số 1607/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2015;

- Hạng mục xây dựng hầm đèo Cù Mông đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế cơ sở tại Quyết định số 2907/QĐ-BGTVT ngày 12/8/2015;

- Hạng mục mở rộng hầm đường bộ Hải Vân (bao gồm hạng mục vận hành hầm Hải Vân qua đèo) đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế cơ sở tại Quyết định số 396/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án là **18.903,89 tỷ đồng** (*Bằng chữ: Mười tám nghìn, chín trăm linh ba phẩy tám chín tỷ đồng*) sẽ được xác định chính xác khi quyết toán, trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	593,44	tỷ đồng;
- Chi phí xây dựng và thiết bị:	13.254,16	tỷ đồng;
- Chi phí QLDA, tư vấn, chi phí khác (bao gồm chi phí Ban QLDA của Cơ quan có thẩm quyền):	1.988,12	tỷ đồng;
- Chi phí vận hành hầm Hải Vân qua đèo giai đoạn 2016-2017 và 2018 - 2020	455,72	tỷ đồng;
- Lãi vay trong thời gian xây dựng (tạm tính)	2.612,45	tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng:	0	tỷ đồng.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

3. Nguồn vốn

- Nguồn vốn BOT: 14.127,27 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ Dự án: 4.776,62 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn Ngân sách nhà nước 90 tỷ đồng: sử dụng để hỗ trợ GPMB đối với hạng mục hầm Đèo Cả theo Quyết định số 1756/QĐ-BKHĐT ngày 20/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước năm 2013;

+ Vốn trái phiếu Chính phủ 3.506,62 tỷ đồng: sử dụng thanh toán phần BT hầm Cỏ Mã, đường dẫn, kinh phí giải phóng mặt bằng và tái định cư;

+ Vốn Ngân sách đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1738/QĐ-TT ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ 1.180 tỷ đồng: sử dụng để (i) hỗ trợ xây dựng hạng mục hầm Đèo Cả thuộc Dự án 1.065,29 tỷ đồng; (ii) hỗ trợ tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án 114,71 tỷ đồng.

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định: số 47/QĐ-BGTVT ngày 06/01/2012, số 2025/QĐ-BGTVT ngày 30/05/2014, số 3121/QĐ-BGTVT ngày 15/08/2014; số 1844/QĐ-GTVT ngày 22/05/2015, số 3107/QĐ-BGTVT

ngày 05/10/2016, số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/3/2019, số 1607/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2015, số 2907/QĐ-BGTVT ngày 12/08/2015, số 396/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án 85 có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung tại Thông báo kết quả thẩm định số 318/CĐ CTVN-QLXDKT ngày 21/03/2024 và Thông báo kết quả thẩm định bổ sung số 361/CĐCTVN-QLXDKT ngày 05/4/2024 của Cục Đường cao tốc Việt Nam, triển khai các công việc tiếp theo tuân thủ quy định pháp luật; tiếp tục rà soát hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh phương án tài chính, điều chỉnh hợp đồng, thực hiện công tác thanh quyết toán và các nội dung liên quan theo quy định.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát nguồn vốn thực hiện dự án, xây dựng kế hoạch vốn, hoàn tất các thủ tục về vốn cho dự án theo quy định; bảo đảm việc sử dụng nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ cho dự án đúng mục đích, đối tượng, quy định của pháp luật, các Nghị quyết của Quốc hội và hiệu quả đầu tư dự án.

- Thực hiện quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư xây dựng; quản lý hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán vốn, các chi phí đầu tư dự án, bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý, đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư; Kết cấu hạ tầng giao thông; Khoa học - Công nghệ và Môi trường; Tài chính; Pháp chế; Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam; Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam; Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án 85 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- UBND các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả;
- Nhà đầu tư (Doanh nghiệp dự án sao gửi);
- Lưu: VT, CĐCTVN (Giang, Hu)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Danh Huy

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /4/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Hạng mục	TMDT duyệt tại Quyết định số 3107/QĐ-BGTVT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT				Tổng mức đầu tư điều chỉnh					Ghi chú
		Tổng	BOT	TPCP	NSNN 2013	Tổng	BOT	TPCP	NSNN 2013	NSNN 2021-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chi phí bồi thường GPMB và tái định cư	824,90	-	734,90	90,00	593,44	-	388,73	90,00	114,71	
	Hầm Đèo Cả	599,15		509,15	90,00	480,50		388,73	90,00	1,77	
	Hầm Cù Mông	160,51		160,51		65,48		-		65,48	
	Hầm Hải Vân	65,23		65,23		47,46				47,46	
2	Chi phí xây dựng và thiết bị	15.303,93	13.125,13	2.178,80	-	13.254,16	10.040,36	2.148,51	-	1.065,29	
2,1	Chi phí xây dựng	10.823,34	8.958,53	1.864,81	-	8.799,74	5.869,62	1.864,84	-	1.065,29	
	Hầm Đèo Cả	5.600,31	3.735,50	1.864,81		4.437,58	1.507,46	1.864,84		1.065,29	
	Hầm Cù Mông	1.751,57	1.751,57			1.280,94	1.280,94				
	Hầm Hải Vân	3.471,45	3.471,45			3.081,22	3.081,22				
2,2	Chi phí thiết bị	4.480,60	4.166,60	313,99		4.454,42	4.170,74	283,67	-	-	
	Hầm Đèo Cả	2.075,29	1.761,30	313,99		2.231,12	1.947,44	283,67		-	
	Hầm Cù Mông	967,14	967,14			1.143,71	1.143,71				
	Hầm Hải Vân	1.438,17	1.438,17			1.079,59	1.079,59				
3	Chi phí vận hành hầm Hải Vân qua đèo giai đoạn 2016-2017 và 2018-2020	150,30	150,30			455,72	455,72				

4	Chi phí QLDA, tư vấn đầu tư, chi phí khác (đã bao gồm 29,431 tỷ đồng chi phí Ban QLDA của Cơ quan có thẩm quyền theo các Quyết định phê duyệt của Bộ GTVT: số 1515/QĐ-BGTVT ngày 12/7/2018, số 429/QĐ-BGTVT ngày 05/03/2018)	3.000,54	2.539,92	460,62	-	1.988,12	1.638,81	349,31	-	-
5	Chi phí dự phòng	3.052,54	3.052,54	-	-			-	-	-
6	Lãi vay trong thời gian xây dựng (tạm tính)	3.822,00	2.238,32	1.583,68	-	2.612,45	1.992,38	620,07	-	-
	Hầm Đèo Cả	1.897,00	313,32	1.583,68		1.453,66	833,59	620,07		
	Hầm Cù Mông	705,00	705,00			398,39	398,39			
	Hầm Hải Vân	1.220,00	1.220,00			760,40	760,40			
	TỔNG (bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng)	26.154,21	21.106,21	4.958,01	90,00	18.903,89	14.127,26	3.506,63	90,00	1.180,00